



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUẢNG BÌNH  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

MÃ SỐ:  
912/XNN/23

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày trả kết quả:  
20/11/2023

1. Ngày nhận mẫu: 15/11/2023 2. Thời gian thử nghiệm: 15/11/2023  
3. Tên mẫu: **Nước sạch** (thuộc **Hệ thống Cấp nước sạch cho cụm dân cư xã Mỹ Thủy, huyện Lệ Thủy**)  
4. Vị trí lấy mẫu: Bể chứa nước sạch  
5. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn  
6. Số lượng/mô tả mẫu: 01 Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l  
7. Lưu mẫu: Không ☐ Có ☒  
8. Kết quả thử nghiệm:



| TT | Tên thông số                | ĐVT                | Phương pháp thử nghiệm | Kết quả thử nghiệm | Ngưỡng giới hạn     |
|----|-----------------------------|--------------------|------------------------|--------------------|---------------------|
| 1  | Màu sắc <sup>(*)</sup>      | TCU                | TCVN 6185:2015         | 12,665             | 15                  |
| 2  | Độ đục <sup>(*)</sup>       | NTU                | TCVN 6184:1996         | <1                 | 2                   |
| 3  | pH <sup>(*)</sup>           |                    | TCVN 6492:2011         | 6,80               | 6,0 - 8,5           |
| 4  | Mùi vị <sup>(**)</sup>      |                    | QLCN-PP-13             | Không mùi vị lạ    | Không có mùi, vị lạ |
| 5  | Clo dư <sup>(**)</sup>      | mg/l               | QLCN-PP-01             | 0,63               | 0,2-1,0             |
| 6  | Coliform <sup>(**)</sup>    | Vi khuẩn/<br>100ml | QLCN-PP-10             | 0                  | <3                  |
| 7  | E.coli <sup>(**)</sup>      | Vi khuẩn/<br>100ml | QLCN-PP 11             | 0                  | <1                  |
| 8  | Độ Cứng <sup>(**)</sup>     | mg/l               | QLCN-PP-07             | 40                 | 300                 |
| 9  | Clorua <sup>(**)</sup>      | mg/l               | QLCN-PP-03             | 7                  | 250 (hoặc 300)      |
| 10 | Florua <sup>(**)</sup>      | mg/l               | QLCN-PP-04             | 0,37               | 1,5                 |
| 11 | Sắt <sup>(**)</sup>         | mg/l               | QLCN-PP-0              | 0,01               | 0,3                 |
| 12 | Mangan <sup>(**)</sup>      | mg/l               | QLCN-PP-05             | 0,02               | 0,1                 |
| 13 | Sunphat <sup>(**)</sup>     | mg/l               | QLCN-PP-02             | 1                  | 250                 |
| 14 | Amoni <sup>(**)</sup>       | mg/l               | QLCN-PP-06             | 0,01               | 0,3                 |
| 15 | Pecmanganat <sup>(**)</sup> | mg/l               | TCVN 6186:1996         | 0,31               | 2                   |

**Kết luận:** Các thông số được thử nghiệm đạt quy chuẩn chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

**Ghi chú:**

- Kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm;
- (1) Quy chuẩn so sánh; (\*) Thông số được Valas công nhận; (\*\*) Thông số được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận;
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày kể từ thời gian ban hành phiếu kết quả thử nghiệm, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- Cung cấp độ không đảm bảo đo khi có yêu cầu của đơn vị yêu cầu thử nghiệm.

PHÒNG QUẢN LÝ CẤP NƯỚC

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Hoàng Minh Tâm



Nguyễn Trường Giang

Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Điện thoại: 02323.889.868



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUẢNG BÌNH  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

MÃ SỐ:  
913/XNN/23

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày trả kết quả:  
20/11/2023

1. Ngày nhận mẫu: 15/11/2023
2. Thời gian thử nghiệm: 15/11/2023
3. Tên mẫu: **Nước sạch** (thuộc **Hệ thống Cấp nước sạch cho cụm dân cư xã Mỹ Thủy, huyện Lệ Thủy**)
4. Vị trí lấy mẫu: Nguyễn Văn Hải, thôn Thuận Trạch, xã Mỹ Thủy, huyện Lệ Thủy
5. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn
6. Số lượng/mô tả mẫu: 01 Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1 lít
7. Lưu mẫu: Không ☐ Có ☒
8. Kết quả thử nghiệm:



QC  
VALAS 0020  
T (1)  
Ngưỡng giới hạn

| TT | Tên thông số                | ĐVT                | Phương pháp thử nghiệm | Kết quả thử nghiệm | Ngưỡng giới hạn     |
|----|-----------------------------|--------------------|------------------------|--------------------|---------------------|
| 1  | Màu sắc <sup>(*)</sup>      | TCU                | TCVN 6185:2015         | 12,467             | 15                  |
| 2  | Độ đục <sup>(*)</sup>       | NTU                | TCVN 6184:1996         | <1                 | 2                   |
| 3  | pH <sup>(*)</sup>           |                    | TCVN 6492:2011         | 6,74               | 6,0 - 8,5           |
| 4  | Mùi vị <sup>(**)</sup>      |                    | QLCN-PP-13             | Không mùi vị lạ    | Không có mùi, vị lạ |
| 5  | Clo dư <sup>(**)</sup>      | mg/l               | QLCN-PP-01             | 0,5                | 0,2-1,0             |
| 6  | Coliform <sup>(**)</sup>    | Vi khuẩn/<br>100ml | QLCN-PP-10             | 0                  | <3                  |
| 7  | E.coli <sup>(**)</sup>      | Vi khuẩn/<br>100ml | QLCN-PP 11             | 0                  | <1                  |
| 8  | Độ Cứng <sup>(**)</sup>     | mg/l               | QLCN-PP-07             | 38                 | 300                 |
| 9  | Clorua <sup>(**)</sup>      | mg/l               | QLCN-PP-03             | 7                  | 250 (hoặc 300)      |
| 10 | Florua <sup>(**)</sup>      | mg/l               | QLCN-PP-04             | 0,35               | 1,5                 |
| 11 | Sắt <sup>(**)</sup>         | mg/l               | QLCN-PP-0              | 0,01               | 0,3                 |
| 12 | Mangan <sup>(**)</sup>      | mg/l               | QLCN-PP-05             | 0,02               | 0,1                 |
| 13 | Sunphat <sup>(**)</sup>     | mg/l               | QLCN-PP-02             | 1                  | 250                 |
| 14 | Amoni <sup>(**)</sup>       | mg/l               | QLCN-PP-06             | 0,01               | 0,3                 |
| 15 | Pecmanganat <sup>(**)</sup> | mg/l               | TCVN 6186:1996         | 0,38               | 2                   |

**Kết luận:** Các thông số được thử nghiệm đạt quy chuẩn chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

**Ghi chú:**

- Kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm;
- (1) Quy chuẩn so sánh; (\*) Thông số được Valas công nhận; (\*\*) Thông số được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận;
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày kể từ thời gian ban hành phiếu kết quả thử nghiệm, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- Cung cấp độ không đảm bảo đo khi có yêu cầu của đơn vị yêu cầu thử nghiệm.

PHÒNG QUẢN LÝ CẤP NƯỚC

Hoàng Minh Tâm



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trường Giang

Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Điện thoại: 02323.889.868





SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUẢNG BÌNH  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

MÃ SỐ:  
914/XNN/23

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày trả kết quả:  
20/11/2023

1. Ngày nhận mẫu: 15/11/2023 2. Thời gian thử nghiệm: 15/11/2023  
3. Tên mẫu: **Nước sạch** (thuộc **Hệ thống Cấp nước sạch cho cụm dân cư xã Mỹ Thủy, huyện Lệ Thủy**)  
4. Vị trí lấy mẫu: Hà Thục Đạt, thôn Mỹ Hà, xã Mỹ Thủy, huyện Lệ Thủy  
5. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn  
6. Số lượng/mô tả mẫu: 01 Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l  
7. Lưu mẫu: Không ☐ Có ☒  
8. Kết quả thử nghiệm:

| TT | Tên thông số    | ĐVT                | Phương pháp thử nghiệm | Kết quả thử nghiệm | 01-1:2018/BYT (1)<br>Ngưỡng giới hạn |
|----|-----------------|--------------------|------------------------|--------------------|--------------------------------------|
| 1  | Màu sắc(*)      | TCU                | TCVN 6185:2015         | 13,138             | 15                                   |
| 2  | Độ đục(*)       | NTU                | TCVN 6184:1996         | <1                 | 2                                    |
| 3  | pH(*)           |                    | TCVN 6492:2011         | 6,68               | 6,0 - 8,5                            |
| 4  | Mùi vị(**)      |                    | QLCN-PP-13             | Không mùi vị lạ    | Không có mùi, vị lạ                  |
| 5  | Clo dư(**)      | mg/l               | QLCN-PP-01             | 0,42               | 0,2-1,0                              |
| 6  | Coliform(**)    | Vi khuẩn/<br>100ml | QLCN-PP-10             | 0                  | <3                                   |
| 7  | E.coli(**)      | Vi khuẩn/<br>100ml | QLCN-PP 11             | 0                  | <1                                   |
| 8  | Độ Cứng(**)     | mg/l               | QLCN-PP-07             | 41                 | 300                                  |
| 9  | Clorua(**)      | mg/l               | QLCN-PP-03             | 5                  | 250 (hoặc 300)                       |
| 10 | Florua(**)      | mg/l               | QLCN-PP-04             | 0,33               | 1,5                                  |
| 11 | Sắt(**)         | mg/l               | QLCN-PP-0              | 0,01               | 0,3                                  |
| 12 | Mangan(**)      | mg/l               | QLCN-PP-05             | 0,01               | 0,1                                  |
| 13 | Sunphat(**)     | mg/l               | QLCN-PP-02             | 1                  | 250                                  |
| 14 | Amoni(**)       | mg/l               | QLCN-PP-06             | 0,01               | 0,3                                  |
| 15 | Pecmanganat(**) | mg/l               | TCVN 6186:1996         | 0,37               | 2                                    |

**Kết luận:** Các thông số được thử nghiệm đạt quy chuẩn chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

**Ghi chú:**

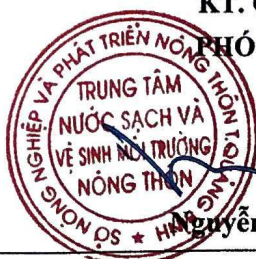
- Kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm;
- (1) Quy chuẩn so sánh; (\*) Thông số được Valas công nhận; (\*\*) Thông số được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận;
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày kể từ thời gian ban hành phiếu kết quả thử nghiệm, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- Cung cấp độ không đảm bảo đo khi có yêu cầu của đơn vị yêu cầu thử nghiệm.

PHÒNG QUẢN LÝ CẤP NƯỚC

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Hoàng Minh Tâm



Nguyễn Trường Giang

Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Điện thoại: 02323.889.868